TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 29-06-2022
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Võ Cư và bà Lê Thị Hạnh**
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS, ngày 9 tháng 05 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST – DS ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam

Địa chỉ: 198 Trần Quang Kh, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn L – Giám đốc Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN, theo văn bản ủy quyền số 325/UQ-VCB.PC ngày 01/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

Ông Võ Văn L ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị LA – Phó trưởng phòng giao dịch Đức Phổ, theo văn bản ủy quyền số 55/UQ-NHNT.QNg ngày 15/10/2021.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố TD, phường PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1954, bà Trần Thị Th, sinh năm 1955

- Ông Nguyễn Tr, sinh năm 1962, bà Huỳnh Thị Đ1, sinh năm 1963

- Anh Nguyễn Minh V, sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố TD, phường PT, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Tại phiên tòa bà Nuyễn Thị LA, Nguyễn Thị D1 có mặt, ông Nguyễn Minh T1, ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Tr, bà Huỳnh Thị Đ1, Anh Nguyễn Minh V vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, bản tự khai ngày 10/11/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị LA trình bày: Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp với ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị D1 ký các hợp tín dụng gồm:

Hợp đồng cho vay bán lẻ số 119/2016/NHNT.ĐP ngày 28/01/2016 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ, thời gian ân hạn gốc 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời hạn rút vốn 04 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 27 kỳ.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1185/2017/NHNT.ĐP ngày 21/12/2017 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN - Phòng giao dịch Đp số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10,5%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt

thủy hải sản xa bờ, thời gian ân hạn gốc 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời hạn rút vốn 06 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 27 kỳ.

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 37/2020/NHNT.ĐP ngày 17/12/2020 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN - Phòng giao dịch Đp số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay, lãi suất cho vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán nếp ngự, thời hạn rút vốn 01 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc cuối kỳ hạn vay.

Để đảm bảo các khoản vay trên ông T1, bà D1 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 153m^2, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 710m^2, được Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016;

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T1, bà D1 đã trả cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay bán lẻ số 119/2016/NHNT.ĐP ngày 28/01/2016 số tiền gốc là 1.303.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 665.231.090 đồng, còn nợ 496.100.000 đồng tiền gốc; hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1185/2017/NHNT.ĐP

ngày 21/12/2017 số tiền gốc là 1.036.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 455.337.406 đồng, còn nợ 964.000.000 tiền gốc; hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 37/2020/NHNT.ĐP ngày 17/12/2020 số tiền gốc là 56.047.834 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.324.795 đồng, còn nợ 543.952.166 tiền gốc. Từ tháng 9/2020 đến nay ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông T1, bà D1 trả nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa trả.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà D1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền của ba hợp đồng vay là 2.460.953.011 đồng (trong đó tiền gốc của ba hợp đồng vay là 2.004.052.166 đồng; tiền lãi trong hạn của ba hợp đồng vay là 396.684.900 đồng; tiền lãi quá hạn của ba hợp đồng vay là 60.215.945 đồng, (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 28/06/2022) và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/06/2022 cho đến khi ông T1, bà D1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 153m^2, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 710m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận

ngày 28/01/2016 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông T1, bà D1 phải tiếp tục trả các khoản nợ còn lại cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/12/2021 của ông Nguyễn Minh T1, ngày 08/04/2022 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D1 trình bày:* Ngày 28/01/2016, vợ chồng ông, bà ký hợp đồng cho vay bán lẻ số 119/2016/NHNT.ĐP ngày 28/01/2016 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông, bà trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.303.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 665.231.090 đồng.

Ngày 21/12/2017, ông, bà ký hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1185/2017/NHNT.ĐP ngày 21/12/2017 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10,5%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông, bà trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.036.000.000 đồng và tiền lãi là 455.337.406 đồng.

Ngày 17/12/2020, ông bà ký hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 37/2020/NHNT.ĐP ngày 17/12/2020 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – phòng giao dịch Đp số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay, lãi suất cho vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán nếp ngự, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông, bà trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 56.047.834 đồng và tiền lãi là 50.324.795 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay trên ông T1, bà D1 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 153m^2, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; và

ông Nguyễn Tr, bà Huỳnh Thị Đ1 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 710m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị Th thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016 để đảm bảo cho các khoản vay của ông, bà;

Nay ông, bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp số tiền gốc của các hợp đồng vay là 2.004.052.166 đồng; và tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên yêu cầu Ngân hàng cho trả nợ dần, trường hợp ông, bà không trả được nợ thì Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ.

* *Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/03/2022, ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th trình bày:* Ngày 28/01/2016, ông bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016 để đảm bảo cho các khoản vay của ông T1, bà D1 tại Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đức Phổ. Trường hợp ông T1, bà D1 không trả được nợ thì ông, bà đồng ý giao tài sản thế chấp nêu trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ.

* Ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1 nhận thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 463, 466, 470, 500, 501, 502, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam tổng số tiền nợ gốc là 2.004.052.116 đồng; tiền lãi trong hạn là 396.684.900 đồng; tiền lãi quá hạn là 60.215.945 đồng, (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 28/06/2022) và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của hai khoản vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/06/2022 cho đến khi ông T1, bà D1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ của ông T1, bà D1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày

02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh QN – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018 (tài sản của bên thứ 3 đứng tên ông Nguyễn Tr, bà Huỳnh Thị Đ1); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016 (tài sản của bên thứ 3 đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th) để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông T1, bà D1 phải tiếp tục trả các khoản nợ còn lại cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng.

Ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị D1 phải chịu án phí, chi phí phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Minh T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị Th, ông Nguyễn Tr, bà Huỳnh Thị Đ1, anh Nguyễn Minh V vắng mặt lần thứ 2 không vì sự bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp cung cấp có tại hồ sơ thì ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị D1 vay tiền của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN - Phòng giao dịch Đp theo các hợp tín dụng:

Hợp đồng cho vay bán lẻ số 119/2016/NHNT.ĐP ngày 28/01/2016 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN – Phòng giao dịch Đp số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ, thời gian ân hạn gốc 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời hạn rút vốn 04 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 27 kỳ.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1185/2017/NHNT.ĐP ngày 21/12/2017 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN - Phòng giao dịch Đp số tiền 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 10,5%/năm, mục đích vay thanh toán chi phí đóng mới tàu cá phục vụ đánh bắt thủy hải sản xa bờ, thời gian ân hạn gốc 03 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời hạn rút vốn 06 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc 03 tháng/lần, trả trong 27 kỳ.

Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 37/2020/NHNT.ĐP ngày 17/12/2020 vay của Ngân hàng TMCP NT Việt Nam – Chi nhánh QN - Phòng giao dịch Đp số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay, lãi suất cho vay 9,5%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán nếp ngự, thời hạn rút vốn 01 tháng kể từ ngày hợp đồng cho vay có hiệu lực, thời hạn trả nợ gốc cuối kỳ hạn vay.

Để đảm bảo các khoản vay trên ông T1, bà D1 thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ của ông T1, bà D1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 710m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016;

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông T1, bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay bán lẻ số 119/2016/NHNT.ĐP ngày 28/01/2016 số tiền gốc là 1.303.900.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 665.231.090 đồng; hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1185/2017/NHNT.ĐP ngày 21/12/2017 số tiền gốc là 1.036.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 455.337.406 đồng; hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn số 37/2020/NHNT.ĐP ngày 17/12/2020 số tiền gốc là 56.047.834 đồng, tiền lãi trong hạn là 50.324.795 đồng. Từ tháng 9/2020 đến nay ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông T1, bà D1 trả nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa trả. Do ông T1, bà D1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà D1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền của ba hợp đồng vay là 2.460.953.011đồng (trong đó tiền gốc của ba hợp đồng vay là 2.004.052.166 đồng; tiền lãi trong hạn của ba hợp đồng vay là 396.684.900 đồng; tiền lãi quá hạn của ba hợp đồng vay là 60.215.945đồng, (tiền lãi tạm tính đến hết ngày 28/06/2022) và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số dư nợ gốc của ba hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi ông T1, bà D1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh QN – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016; còn tài sản thế chấp tàu cá mang biển kiểm soát QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số

QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; ngày 10/11/2021, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tàu cá và ngày 06/06/2022, giữa ông Nguyễn Minh T1, bà Nguyễn Thị D1 với đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng lập biên bản thỏa thuận, trong đó ông T1, bà D1 cam kết tại thời điểm ngày 06/06/2022 tàu cá mang biển kiểm soát QNg-94719-TS và tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS đang hoạt động bình thường, không có thay đổi so với thời điểm thế chấp. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất với biên bản thỏa thuận lập ngày 06/06/2022 và cam kết tự chịu trách nhiệm về tài sản thế chấp là tàu cá nếu không còn hoặc bị hư hỏng tại thời điểm Tòa án xét xử vụ án, không khiếu nại hay ý kiến gì về việc Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tài sản thế chấp là tàu cá, nên Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối tài sản thế chấp là tàu cá.

Do vậy, nếu ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 153m^2, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 710m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381734 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh QN – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, diện tích 567m^2, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 381693 ngày 8/11/2006, đứng tên ông Nguyễn Được và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn

phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ thì ông T1, bà D1 phải có nghĩa vụ tiếp tục trả các khoản nợ còn lại cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng TMCP NT Việt Nam đã nộp tạm ứng và đã chi xong, ông T1, bà D1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền 2.000.000 đồng.

[2.4] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu là 81.219.060 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam.

[2.5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 325, 463, 466, 470, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam tổng số tiền của ba khoản vay là 2.460.953.011 đồng (trong đó tiền gốc của ba khoản vay là 2.004.052.166 đồng; tiền lãi trong hạn của ba khoản vay là 396.684.900 đồng; tiền lãi quá hạn của ba khoản vay là 60.215.945 đồng (tiền lãi tính đến ngày 28/06/2022) và tiếp tục trả lãi trên số dư nợ gốc của ba khoản vay kể từ ngày 29/06/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T1, bà D1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T1, bà D1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 397, tờ bản đồ số 39

phường PT, thị xã Đức Phổ của ông T1, bà D1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 167/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 21/03/2018; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-94719-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 03/07/2017, theo hợp đồng thế chấp số 182/2016/HĐTC.ĐP ngày 20/09/2016; tàu cá mang biển kiểm soát số QNg-98638-TS, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 02/04/2018, theo hợp đồng thế chấp số 164/2018/HĐTC.ĐP ngày 30/03/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Tr và bà Huỳnh Thị Đ1, theo hợp hợp đồng thế chấp số 657/2017/HĐTC.ĐP ngày 21/12/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 15/01/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 39 phường PT, thị xã Đức Phổ, được Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Đ và bà Trần Thị Th theo hợp hợp đồng thế chấp số 46/2016/HĐTC.ĐP ngày 28/01/2016, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh Đức Phổ xác nhận ngày 28/01/2016 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ thu hồi nợ thì ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản nợ còn lại cho đến khi ông T1, bà D1 trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam.

2. Về chi phí xem xét thẩm đinh tại chỗ: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu là 2.000.000 đồng, nhưng Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam đã nộp tạm ứng và đã chi xong, ông T1, bà D1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị D1 phải chịu là 81.219.060 đồng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 42.232.000 đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần NT Việt Nam, theo biên lai thu tiền số 0000815 ngày 05/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhân được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sư.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn